

Số: 1711/QĐ-YDHP

Hải Phòng, ngày 28 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chương trình đào tạo trình độ chuyên khoa cấp II
chuyên ngành Nhi Thận tiết niệu

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25/01/1999 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng;

Căn cứ quyết định số 2153/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ quyết định số 1637/BYT-QĐ ngày 25/05/2001 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp II sau đại học;

Căn cứ quyết định số 1130/BYT-QĐ ngày 5/10/2020 của trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc ban hành Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp II sau đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ quyết định số 1359/QĐ-YDHP ngày 15/10/2021 của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc quy định xây dựng, phát triển, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Nghị quyết số 45/NQ-HĐT- YDHP ngày 20/4/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc thông qua Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết quý I năm 2022 của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ kế hoạch số 283/KH-YDHP ngày 19/10/2021 của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc cải tiến chất lượng nửa chu kỳ còn lại trong chu kỳ kiểm định cơ sở giáo dục 2018-2023.

Theo đề nghị của ông/bà trưởng phòng Quản lý đào tạo Sau đại học, trưởng Bộ môn Nhi, khoa Y.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo trình độ Chuyên khoa cấp II, chuyên ngành Nhi Thận tiết niệu, Mã số: CK 62 72 16 35.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Các Ông/Bà trưởng khoa, bộ môn, trưởng phòng, ban, đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ GD&ĐT; Bộ Y tế (đề b/c);
- Lưu QLĐTSDH; VT.

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
Y DƯỢC
HẢI PHÒNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
* PGS. TS. Phạm Văn Linh

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG**



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ BÁC SĨ

CHUYÊN KHOA CẤP II CHUYÊN NGÀNH NHI THẬN – TIẾT NIỆU

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1711/QĐ-YDHP ngày 28 tháng 09 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)*

Hải Phòng, tháng 8 năm 2022

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên chương trình đào tạo	Bác sĩ chuyên khoa cấp II chuyên ngành Nhi thận - tiết niệu
Trình độ đào tạo	Bác sĩ chuyên khoa cấp II
Khối ngành	Y học
Ngành đào tạo	Nhi khoa
Mã ngành	CK 60 72 16
Hệ đào tạo	Sau đại học
Hình thức đào tạo	Tập trung
Thời gian đào tạo	24 tháng
Tên văn bằng tốt nghiệp	Bằng Bác sĩ chuyên khoa cấp II chuyên ngành Nhi thận - tiết niệu (The 2 nd Degree Specialist Diploma in Paediatric renal and urinary disease)
Đơn vị đào tạo/cấp bằng	Trường Đại học Y Dược Hải Phòng
Ngôn ngữ đào tạo	Tiếng Việt
Đối tượng áp dụng	Học viên Bác sĩ chuyên khoa cấp II Nhi thận - tiết niệu
Thời gian áp dụng	Năm học 2022 – 2024

II. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Sứ mạng – Tầm nhìn – Giá trị cốt lõi – Triết lý giáo dục của Trường

Theo Nghị quyết số 02/NQ-HĐT-YDHP của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng ngày 02/02/2021 về việc ban hành quy chế Tổ chức và hoạt động của trường Đại học Y Dược Hải Phòng:

Sứ mạng: “Đào tạo nguồn nhân lực y tế chất lượng; là trung tâm nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe và phát triển y dược biển đảo”.

Tầm nhìn: “Phát triển thành đại học tự chủ khối ngành sức khỏe có chất lượng, uy tín, định hướng ứng dụng (tới năm 2025); đạt chuẩn khu vực (tới năm 2030) và hội nhập quốc tế”.

- **Giá trị cốt lõi:** “Chuyên nghiệp – Hội nhập – Hiệu quả”
- **Triết lý giáo dục:** “Lấy người học làm trung tâm - Lấy người bệnh làm trung tâm - Vì sức khỏe cộng đồng”

2. Mục tiêu chương trình đào tạo (Program Objectives – POs)

2.1. Mục tiêu tổng quát

Chương trình đào tạo Bác sĩ chuyên khoa cấp II chuyên ngành Nhi thận - tiết niệu cung cấp đa dạng các trải nghiệm giáo dục chuyên ngành Nhi khoa trong một môi trường trí tuệ thuận lợi cho việc học tập thực hành Nhi khoa một cách mẫu mực. Bác sĩ chuyên khoa cấp II Nhi thận - tiết niệu sẽ đạt được, duy trì và phát triển xuất sắc khả năng của mình trong việc chăm sóc bệnh nhân và cập nhật kiến thức thông qua việc nghiên cứu các tài liệu Y học.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Học viên bác sĩ chuyên khoa cấp II chuyên ngành Nhi thận - tiết niệu được kỳ vọng có năng lực:

PO1- Chăm sóc người bệnh: Chăm sóc bệnh nhi một cách từ bi, phù hợp và hiệu quả để điều trị các vấn đề sức khoẻ và nâng cao sức khoẻ trẻ em; có khả năng cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khoẻ lấy bệnh nhân và gia đình họ làm trung tâm phù hợp với lứa tuổi và sự phát triển, có lòng nhân ái, phòng và điều trị hiệu quả các trẻ bệnh.

PO2- Kiến thức Nhi khoa: Có đủ kiến thức về y sinh học, lâm sàng, dịch tễ học và khoa học hành vi- xã hội và áp dụng kiến thức này vào việc chăm sóc bệnh nhân; đảm nhận được trách nhiệm giảng dạy và giám sát các học viên bác sĩ chuyên khoa cấp II khoá dưới và sinh viên y khoa.

PO3- Kỹ năng giao tiếp và cộng tác: Kỹ năng giao tiếp nhằm trao đổi thông tin hiệu quả với bệnh nhân, gia đình của họ và các cộng sự chuyên môn.

PO4- Học tập và cải thiện dựa trên thực hành: Sử dụng hiệu quả các phương pháp và bằng chứng khoa học để điều tra, đánh giá và cải tiến các phương pháp chăm sóc bệnh nhân.

PO5- Tính chuyên nghiệp: Cam kết thực hiện các trách nhiệm nghề nghiệp của ngành y, tuân thủ các nguyên tắc đạo đức và nhạy cảm với sự đa dạng văn hoá, tín ngưỡng.

PO6- Thực hành dựa trên hệ thống: Thực hành chăm sóc sức khoẻ có chất lượng và áp dụng cho bệnh nhân trong hệ thống chăm sóc sức khoẻ.

PO7- Giảng dạy và nghiên cứu khọc: Phát triển các kỹ năng và thái độ cần thiết để hoạt động như một giáo viên lâu dài cho bản thân, đồng nghiệp, bệnh nhân / gia đình và cộng đồng; phải chứng minh năng lực tiến hành hoàn chỉnh một nghiên cứu khoa học.

2.3. Sự phù hợp giữa mục tiêu CTĐT (PO) với Sứ mạng-Tầm nhìn- Giá trị cốt lõi - Triết lý giáo dục của Trường đại học Y Dược Hải Phòng

PO	Sứ mạng	Tầm nhìn	Giá trị cốt lõi	Triết lý giáo dục
PO1	x		X	x
PO2	x	X	X	x
PO3	x		X	x
PO4	x	X	X	x
PO5	x	X	X	x
PO6	x	X	X	x
PO7	x	X	X	x

III. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BÁC SĨ CHUYÊN KHOA CẤP II CHUYÊN NGÀNH NHI KHOA

1. Chuẩn đầu ra của CTĐT (Program Learning Outcomes: PLOs)

Sau khi kết thúc thành công chương trình đào tạo trong 02 năm, bác sĩ chuyên khoa cấp II chuyên ngành Nhi thận - tiết niệu có khả năng:

PLO1- Khai thác tiền sử, bệnh sử: Lọc, ưu tiên và tổng hợp các dữ kiện tiền sử, bệnh sử để đưa ra chẩn đoán phân biệt ngay lập tức đối với các vấn đề bệnh tật phức tạp hoặc không điển hình.

PLO2- Khám thực thể: Thực hiện khám toàn thân và bộ phận như chỉ định và chọn được những thao tác khám bệnh nâng cao để giúp chẩn đoán phân biệt. Thực hiện khám sức khỏe bằng các chiến lược để giúp bệnh nhân hài lòng và hợp tác tối đa.

PLO3- Phân loại và xác định bệnh nhân cần chăm sóc ưu tiên: Sắp xếp và ưu tiên chăm sóc đồng thời nhiều bệnh nhân một cách hiệu quả.

PLO4- Biện luận lâm sàng: Tích hợp các dữ kiện lâm sàng vào (các) chẩn đoán thống nhất; đánh giá lại ngay để tránh lỗi chẩn đoán.

PLO5- Quản lý điều trị bệnh nhân: Phát triển và thực hiện được các kế hoạch quản lý điều trị cho các chẩn đoán phức tạp và không điển hình, với khả năng sửa đổi kế hoạch điều trị khi cần thiết.

PLO6-Kiến thức lâm sàng: Tích hợp một lượng lớn kiến thức y tế bao gồm các tình trạng bệnh phức tạp và không điển hình để hướng dẫn chăm sóc bệnh nhân.

PLO7- Đánh giá chẩn đoán: Ưu tiên và tối ưu hóa việc đánh giá dựa trên rủi ro, lợi ích, chỉ định và các lựa chọn thay thế để làm rõ (các) chẩn đoán. Diễn giải được sự quan trọng về mặt lâm sàng của các kết quả nghiên cứu liên quan đến chẩn đoán và cân nhắc đến những hạn chế của nghiên cứu

PLO8- Giao tiếp lấy bệnh nhân và gia đình làm trung tâm: Thiết lập được sự đồng thuận của gia đình cho kế hoạch điều trị, bao gồm cả các vấn đề không rõ ràng hoặc xung đột. Chia sẻ được các quyết định lâm sàng với bệnh nhân và người nhà để lập kế hoạch chăm sóc cho từng bệnh nhân cụ thể.

PLO9- Giao tiếp giữa các chuyên gia và nhóm: Phối hợp các khuyến nghị của chuyên gia tư vấn để tối ưu hóa việc chăm sóc bệnh nhân. Tạo điều kiện thuận lợi cho giao tiếp giữa các nhóm chuyên gia.

PLO10- Giao tiếp trong hệ thống chăm sóc sức khỏe: Thể hiện sự mẫu mực trong giao tiếp bằng văn bản và lời nói trong lý luận chẩn đoán, điều trị và tiên lượng bệnh.

PLO11- Thực hành dựa trên bằng chứng và thông tin: Xác định đúng vị trí và áp dụng các bằng chứng được tích hợp với các quyền ưu tiên của bệnh nhân vào việc chăm sóc bệnh nhân.

PLO12- Thực hành phản ánh và cam kết phát triển cá nhân: Tìm kiếm, kết hợp phản hồi và dữ liệu hiệu suất nhất quán. Điều chỉnh kế hoạch học tập dựa trên mục tiêu nghề nghiệp lâu dài, sự tự phản hồi, và dữ liệu hiệu suất để đo lường hiệu quả của nó.

PLO13- Hành vi chuyên nghiệp: Nhận biết các tình huống có thể làm mất đi tính chuyên nghiệp và can thiệp để ngăn chặn những sai sót của bản thân và những người khác. Thể hiện ý thức trách nhiệm chăm sóc bệnh nhân và trách nhiệm nghề nghiệp.

PLO14- Nguyên tắc đạo đức: Quản lý và tìm cách giải quyết các tình huống khó xử về đạo đức bằng cách sử dụng các nguồn lực thích hợp (ví dụ: tham vấn đạo đức, đánh giá

tài liệu, quản lý rủi ro/ tham vấn pháp lý). Vận dụng được các kiến thức triết học trong thực hành nghề nghiệp.

PLO15- Trách nhiệm giải trình / Sự tận tâm: Thực hiện các nhiệm vụ và trách nhiệm một cách triệt để và kịp thời trong các tình huống phức tạp hoặc căng thẳng.

PLO16- An toàn cho người bệnh: Tiến hành phân tích các sự kiện an toàn của bệnh nhân và đưa ra các chiến lược ngăn ngừa lỗi (mô phỏng hoặc thực tế). Thông báo về những biến cố cho bệnh nhân và gia đình (mô phỏng hoặc thực tế) một cách hiệu quả.

PLO17- Vai trò của bác sĩ trong hệ thống chăm sóc sức khỏe: Thảo luận về sự cần thiết phải thay đổi các phương pháp tiếp cận lâm sàng dựa trên bằng chứng, kết quả và hiệu quả chi phí để cải thiện chăm sóc bệnh nhân và gia đình.

PLO18- Nghiên cứu khoa học và phân tích thống kê y sinh: Thực hiện được đề tài khoa học chuyên sâu thuộc lĩnh vực Nhi khoa một cách độc lập.

2. Sự phù hợp của chuẩn đầu ra với mục tiêu đào tạo

PLO	Nội dung	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
PLO1	PLO1- Khai thác tiền sử, bệnh sử: Lọc, ưu tiên và tổng hợp các dữ kiện tiền sử, bệnh sử để đưa ra chẩn đoán phân biệt ngay lập tức đối với các vấn đề bệnh tật phức tạp hoặc không điển hình.	X				X		
PLO2	PO2- Kiến thức Nhi khoa: Có đủ kiến thức về y sinh học, lâm sàng, dịch tễ học và khoa học hành vi- xã hội và áp dụng kiến thức này vào việc chăm sóc bệnh nhân; đảm nhận được trách nhiệm giảng dạy và giám sát các bác sĩ Bác sĩ chuyên khoa cấp II Nhi khoa dưới và sinh viên y khoa.	X				X		
PLO3	PO3- Kỹ năng giao tiếp và cộng tác: Kỹ năng giao tiếp nhằm trao đổi thông tin hiệu quả với bệnh nhân, gia đình của họ và các cộng sự chuyên môn.	X				X		
PLO4	PLO4-Biện luận lâm sàng: Tích hợp các dữ kiện lâm sàng vào (các) chẩn đoán thống nhất; đánh giá lại ngay để tránh lỗi chẩn đoán.	X	X			X		
PLO5	PLO5- Quản lý điều trị bệnh nhân: Phát triển và thực hiện được các kế hoạch quản lý điều trị cho các chẩn	X			X	X		

	đoán phức tạp và không điển hình, với khả năng sửa đổi kế hoạch điều trị khi cần thiết.							
PLO6	PLO6-Kiến thức lâm sàng: Tích hợp một lượng lớn kiến thức y tế bao gồm các tình trạng bệnh phức tạp và không điển hình để hướng dẫn chăm sóc bệnh nhân.		X					
PLO7	PLO7- Đánh giá chẩn đoán: Ưu tiên và tối ưu hóa việc đánh giá dựa trên rủi ro, lợi ích, chỉ định và các lựa chọn thay thế để làm rõ (các) chẩn đoán. Diễn giải được sự quan trọng về mặt lâm sàng của các kết quả nghiên cứu liên quan đến chẩn đoán và cân nhắc đến những hạn chế của nghiên cứu		X				X	
PLO8	PLO8- Giao tiếp lấy bệnh nhân và gia đình làm trung tâm: Thiết lập được sự đồng thuận của gia đình cho kế hoạch điều trị, bao gồm cả các vấn đề không rõ ràng hoặc xung đột. Chia sẻ được các quyết định lâm sàng với bệnh nhân và người nhà để lập kế hoạch chăm sóc cho từng bệnh nhân cụ thể.			X		X		X
PLO9	PLO9- Giao tiếp giữa các chuyên gia và nhóm: Phối hợp các khuyến nghị của chuyên gia tư vấn để tối ưu hóa việc chăm sóc bệnh nhân. Tạo điều kiện thuận lợi cho giao tiếp giữa các nhóm chuyên gia.			X		X		
PLO10	PLO10- Giao tiếp trong hệ thống chăm sóc sức khỏe: Thể hiện sự mẫu mực trong giao tiếp bằng văn bản và lời nói trong lý luận chẩn đoán, điều trị và tiên lượng bệnh.			X		X		X
PLO11	PLO11- Thực hành dựa trên bằng chứng và thông tin: Xác định đúng vị trí và áp dụng các bằng chứng được tích hợp với các quyền ưu tiên				X			

	của bệnh nhân vào việc chăm sóc bệnh nhân.							
PLO12	PLO12- Thực hành phản ánh và cam kết phát triển cá nhân: Tìm kiếm , kết hợp phản hồi và dữ liệu hiệu suất nhất quán. Điều chỉnh kế hoạch học tập dựa trên mục tiêu nghề nghiệp lâu dài, sự tự phản hồi, và dữ liệu hiệu suất để đo lường hiệu quả của nó.				X			X
PLO13	PLO13-Hành vi chuyên nghiệp: Nhận biết các tình huống có thể làm mất đi tính chuyên nghiệp và can thiệp để ngăn chặn những sai sót của bản thân và những người khác. Thể hiện ý thức trách nhiệm chăm sóc bệnh nhân và trách nhiệm nghề nghiệp.					X		
PLO14	PLO14- Nguyên tắc đạo đức: Quản lý và tìm cách giải quyết các tình huống khó xử về đạo đức bằng cách sử dụng các nguồn lực thích hợp (ví dụ: tham vấn đạo đức, đánh giá tài liệu, quản lý rủi ro / tham vấn pháp lý).					X		
PLO15	PLO15- Trách nhiệm giải trình / Sự tận tâm: Thực hiện các nhiệm vụ và trách nhiệm một cách triệt để và kịp thời trong các tình huống phức tạp hoặc căng thẳng.					X		
PLO16	PLO16-An toàn cho người bệnh: Tiến hành phân tích các sự kiện an toàn của bệnh nhân và đưa ra các chiến lược ngăn ngừa lỗi (mô phỏng hoặc thực tế). Thông báo về những biến cố cho bệnh nhân và gia đình (mô phỏng hoặc thực tế một cách hiệu quả).						X	X
PLO17	PLO17- Vai trò của bác sĩ trong hệ thống chăm sóc sức khỏe: Thảo luận về sự cần thiết phải thay đổi các						X	X

	phương pháp tiếp cận lâm sàng dựa trên bằng chứng, kết quả và hiệu quả chi phí để cải thiện chăm sóc bệnh nhân và gia đình.							
PLO18	PLO18- Nghiên cứu khoa học và phân tích thống kê y sinh: Thực hiện được đề tài khoa học chuyên sâu thuộc lĩnh vực Nhi khoa một cách độc lập.				X			X

3. Sự phù hợp với khung trình độ quốc gia và chuẩn năng lực ngành

Khung trình độ quốc gia* (Phụ lục **Khung trình độ quốc gia Việt Nam ban hành theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016**)

Chuẩn năng lực ngành (Phụ lục: Thông tư liên tịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ, bác sĩ y học dự phòng, y sĩ Số: **10/2015/TTLT-BYT-BNV** ngày 27 tháng 5 năm 2015)

Điều 5. Bác sĩ chính (hạng II) - Mã số: V.08.01.02

1. Nhiệm vụ:

a) Khám bệnh, chữa bệnh:

Chủ trì hoặc tham gia hội chẩn chuyên môn thuộc lĩnh vực được giao;

Tổ chức, thực hiện khám bệnh, chữa bệnh;

Tổ chức, xử trí cấp cứu, cấp cứu thuộc chuyên khoa, trường hợp khó do tuyến dưới chuyển đến;

Phát hiện và báo cáo sai sót chuyên môn kỹ thuật trong phạm vi chuyên môn được giao;

Giám sát, kiểm tra, đánh giá, cải tiến chất lượng khám bệnh, chữa bệnh trong phạm vi chuyên môn được giao.

b) Thông tin, truyền thông, giáo dục sức khỏe:

Xác định nhu cầu và đề ra nội dung hướng dẫn, giáo dục sức khỏe;

Tổ chức lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch tư vấn, truyền thông, giáo dục sức khỏe dựa vào mục tiêu và nhu cầu thực tế;

Đề xuất các biện pháp quản lý sức khỏe trong phạm vi được giao.

c) Tổ chức, thực hiện tư vấn cho người bệnh hoặc gia đình người bệnh lựa chọn dịch vụ y tế phù hợp;

d) Vận hành và sử dụng được thiết bị y tế phục vụ chẩn đoán, can thiệp điều trị, cấp cứu trong phạm vi được giao;

đ) Tổ chức giám định y khoa, giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần thuộc chuyên khoa hoặc lĩnh vực liên quan theo quy định của pháp luật;

e) Trực tiếp hoặc phối hợp tham gia công tác chỉ đạo tuyến về chuyên môn kỹ thuật, triển khai phòng, chống dịch và các bệnh xã hội khi được giao;

g) Đào tạo và nghiên cứu khoa học:

Tổ chức biên soạn tài liệu chuyên môn; xây dựng quy chế, quy trình kỹ thuật chuyên môn thuộc lĩnh vực được giao;

Trực tiếp đào tạo, bồi dưỡng và chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật đối với viên chức chuyên môn và học viên, sinh viên khi được giao;

Chủ trì hoặc tham gia đề tài nghiên cứu khoa học.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

- a) Tốt nghiệp bác sĩ chuyên khoa cấp I hoặc Bác sĩ chuyên khoa cấp II y học trở lên (trừ chuyên ngành y học dự phòng);
- b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 (B1) trở lên theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với vị trí việc làm có yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;
- c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin;
- d) Có chứng chỉ bồi dưỡng bác sĩ chính (hạng II).

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

- a) Hiểu biết quan điểm, chủ trương đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; nắm được định hướng phát triển chuyên môn kỹ thuật chuyên ngành;
- b) Có kỹ năng chẩn đoán, xử trí, theo dõi và dự phòng các bệnh thường gặp và cấp cứu chuyên khoa;
- c) Áp dụng y học cổ truyền trong công tác phòng và chữa bệnh;
- d) Tổ chức, thực hiện tư vấn, giáo dục sức khỏe, chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân;
- đ) Có năng lực tập hợp các nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ;
- e) Chủ nhiệm hoặc thư ký hoặc người tham gia chính (50% thời gian trở lên) đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở trở lên hoặc sáng chế hoặc phát minh khoa học hoặc sáng kiến cải tiến kỹ thuật thuộc lĩnh vực chuyên ngành đã được nghiệm thu đạt;
- g) Viên chức thăng hạng từ chức danh bác sĩ (hạng III) lên chức danh bác sĩ chính (hạng II) phải có thời gian giữ chức danh bác sĩ (hạng III) hoặc tương đương tối thiểu là 09 năm đối với người có bằng tốt nghiệp bác sĩ chuyên khoa cấp II hoặc Bác sĩ chuyên khoa cấp II y học; 06 năm đối với người có bằng tốt nghiệp bác sĩ chuyên khoa cấp III hoặc tiến sĩ y học hoặc bằng tốt nghiệp bác sĩ nội trú; trong đó có thời gian gần nhất giữ chức danh bác sĩ (hạng III) tối thiểu là 02 năm.

4. Phù hợp giữa chuẩn đầu ra CTĐT với khung trình độ quốc gia bậc 7

Khung trình độ quốc gia bậc 7 (theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ban hành theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016)

Kiến thức	Kỹ năng	Mức độ tự chủ và trách nhiệm
KT1: Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu rộng, tiên tiến, nắm	KN1: Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học KN2: Có kỹ năng truyền đạt tri thức dựa	TCTN1: Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng.

<p>vững những nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo.</p> <p>KT2: Kiến thức liên ngành có liên quan.</p> <p>KT3: Kiến thức chung về quản trị và quản lý</p>	<p>trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với người khác.</p> <p>KN3: Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến.</p> <p>KN4: Kỹ năng nghiên cứu, phát triển và sử dụng công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp.</p> <p>KN5: Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.</p>	<p>TCTN2: Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác.</p> <p>TCTN3: Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn.</p> <p>TCTN4: Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn</p>
--	---	---

PLO	Kiến thức			Kỹ năng					Mức độ tự chủ trách nhiệm			
	KT 1	KT 2	KT 3	KN 1	KN 2	KN 3	KN 4	KN 5	TCTN 1	TCTN 2	TCTN 3	TCTN 4
PLO1	x	x		x							x	
PLO2	x			x				x		x	x	
PLO3	x		x	x		x			X	x	x	X
PLO4	x	x		x	x	x				x	x	
PLO5	x		x	x		x					x	X
PLO6	x	x		x							x	
PLO7	x	x		x	x				X		x	X
PLO8		x	x	x	x					x	x	

PLO9	x	x		x	x	x				x	x	
PLO10	x		x	x	x	x					x	X
PLO11	x	x	x	x	x		x	x	X		x	X
PLO12	x		x		x	x	x			x		X
PLO13	x		x	x		x				x		
PLO14	x	x	x		x	x			X		x	X
PLO15	x		x	x		x				x		X
PLO16	x		x	x		x	x		X	x	x	X
PLO17	x		x	x	x	x	x	x	X			X
PLO18	x	x	x	x	x	x	x		X		x	X

5. Các hoạt động chuyên môn chủ chốt

EPA	Diễn giải	Năm 1	Năm 2
1A	Khai thác bệnh sử, tiền sử	5	5
1B	Khám thực thể	5	5
2	Liệt kê các chẩn đoán sơ bộ (tiềm năng)	5	5
3	Chỉ định và phân tích kết quả CLS thông thường	5	5
4	Kê đơn thuốc	4	5
5	Ghi chép hồ sơ, bệnh án	5	5
6	Trình bày ca lâm sàng	4	5
7	Tìm kiếm chứng cứ y khoa trong chăm sóc người bệnh	4	5
8	Bàn giao và tiếp nhận người bệnh	4	5
9	Hợp tác trong nhóm chăm sóc người bệnh	4	5

10	Phát hiện và xử trí các tiến triển nặng của người bệnh	4	5
11	Thảo luận để có sự đồng thuận của người bệnh	4	5
12	Thực hiện các thủ thuật/kỹ thuật	4	5
13	Phòng ngừa sự cố y khoa	3	5
14	Kết hợp nghiên cứu khoa học và phân tích thông kê y sinh trong chăm sóc người bệnh	4	5
15	Ứng dụng nghiên cứu khoa học và phân tích thông kê y sinh trong thực hành y khoa	4	5

Ghi chú:

1: *Giám sát trực tiếp (Direct supervision):* học viên có thể tiến hành được cùng với sự giám sát trực tiếp của người hướng dẫn có mặt bên giường bệnh. Một phần của hoạt động ở trình độ này có thể được phối kết hợp với hoạt động của người hướng dẫn để hoàn thành được.

2: *Giám sát chủ động (Proactive supervision):* học viên có thể triển khai đầy đủ hoạt động chuyên môn khi có mặt người giám sát. Người giám sát có thể can thiệp khi thấy cần thiết và có trách nhiệm kiểm chứng lại toàn bộ những điều học viên tìm được.

3: *Giám sát đáp ứng (Responsive supervision):* học viên có thể tiến hành hoạt động chuyên môn một cách hoàn toàn độc lập trong khi người hướng dẫn chỉ có mặt tại nơi tiến hành trong một vài phút. Học viên có thể sử dụng liên hệ trợ giúp qua điện thoại với người hướng dẫn. Người hướng dẫn chịu trách nhiệm kiểm chứng lại các điểm mấu chốt trong những điểm học viên tìm được.

4: *Giám sát gián đoạn (Postponed supervision):* học viên có thể tiến hành toàn bộ hoạt động chuyên môn chỉ với sự giám sát gián đoạn của người hướng dẫn. Học viên có thể tiến hành báo cáo sau khi đã hoàn thành hoạt động chuyên môn. Giai đoạn này thường định hướng tới việc thực hành không cần sự giám sát và đánh dấu một sự tin tưởng đủ vững chắc cho phép cấp chứng chỉ để học viên được tiếp nhận toàn bộ trách nhiệm trong các hoạt động chuyên môn được giao phó.

5: *Cung cấp sự giám sát (Provide supervision):* học viên cho thấy được khả năng giám sát và có thể đảm nhiệm vai trò này đối với các học viên khóa sau.

IV. VỊ TRÍ VIỆC LÀM – CƠ HỘI HỌC TẬP NÂNG CAO

1. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo Bác sĩ chuyên khoa cấp II Nhi thận - tiết niệu, học viên có khả năng đảm nhiệm công tác khám chữa bệnh, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và quản lý tại:

- Tại các cơ sở khám chữa bệnh: Bác sĩ chuyên khoa cấp II Nhi thận - tiết niệu có thể đảm nhiệm công việc của bác sĩ điều trị, tham gia công tác tổ chức, quản lý và điều hành chuyên môn tại các cơ sở y tế công lập và dân lập; trực tiếp tham gia khám chữa bệnh tại các phòng khám, các trung tâm y tế, các bệnh viện từ tuyến huyện đến tuyến trung ương, đặc biệt là trong lĩnh vực chuyên môn Thận - tiết niệu nhi khoa.
- Các cơ sở đào tạo thuộc khối ngành Khoa học sức khỏe với chức danh giảng viên, nghiên cứu viên.
- Các Viện nghiên cứu, cơ quan quản lý hay tổ chức chuyên môn với chức danh nghiên cứu viên, chuyên viên y tế.
- Các tổ chức phi chính phủ, tổ chức quốc tế liên quan tới sức khỏe, y tế.

2. Cơ hội học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Hệ nghiên cứu: Tiến sĩ Y học chuyên ngành Nhi khoa.

V. TUYỂN SINH

Học viên đã tốt nghiệp Bác sĩ nội trú Nhi khoa hoặc Bác sĩ chuyên khoa cấp I Nhi khoa và đáp ứng các tiêu chí tuyển sinh hàng năm của Nhà trường dựa trên quy chế tuyển sinh Bác sĩ chuyên khoa cấp II chuyên ngành Nhi thận - tiết niệu.

VI. TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO – ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

1. Tiến trình đào tạo

CTĐT được xây dựng trên dựa trên nguyên tắc **tích hợp** và **lồng ghép** các kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở và lâm sàng, **liên tục** về kỹ năng và thái độ từ tiền lâm sàng và lâm sàng ... với tiến trình đào tạo như sau:

- Học kỳ 1: Học viên học các học phần thuộc khối kiến thức chung và kiến thức hỗ trợ. Trong học kỳ này, học viên chuẩn bị viết và được thông qua đề cương nghiên cứu của đề tài là luận văn tốt nghiệp khóa học.
- Học kỳ 2 và 3: Học viên học các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành nâng cao, kiến thức tự chọn, bao gồm các giờ học lý thuyết và thực hành lâm sàng tại các khoa phòng hệ Nội Nhi của các bệnh viện thực hành, đồng thời triển khai đề tài là luận văn tốt nghiệp.
- Học kỳ 4: Học viên tiếp tục học các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành nâng cao, bao gồm cả lý thuyết và thực hành lâm sàng tại các khoa phòng hệ Nội Nhi của các bệnh viện thực hành, đồng thời hoàn thiện đề tài là luận văn tốt nghiệp. Ở cuối học kỳ

này, học viên ôn thi tốt nghiệp, thi tốt nghiệp (lý thuyết và lâm sàng) và bảo vệ luận văn tốt nghiệp.

- Học viên buộc phải xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong trường hợp bị ốm, thai sản hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài có giấy tờ hợp lệ. Đồng thời, học viên cần học ít nhất một học kỳ và không thuộc các trường hợp bị buộc thôi học quy định của Nhà trường.

2. Điều kiện tốt nghiệp

Học viên Bác sĩ chuyên khoa cấp II Nhi thận - tiết niệu được xét tốt nghiệp khi hoàn thành 100% khối kiến thức, các điểm học phân đạt $\geq 4,0$ điểm, bảo vệ luận văn tốt nghiệp ở mức Đạt trở lên, và không chịu các hình thức kỷ luật của Nhà trường.

VII. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng số khối lượng kiến thức của CTĐT: 75 TC

Khối kiến thức	Số tín chỉ				Tỷ lệ (%)
	LT	TH	LS	Tổng	
Phần kiến thức giáo dục đại cương	4	5	0	9	13,2%
Phần kiến thức cơ sở, hỗ trợ	3	0	6	9	13,2%
Phần kiến thức chuyên ngành	15	0	15	30	44,2%
Phần kiến thức tự chọn	4	0	8	12	17,7%
Thi tốt nghiệp	1	0	1	2	2,9%
Luận văn tốt nghiệp	6	0	0	6	8,8%
Tổng cộng	33	5	30	68	100%

2. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Học phần	Tín chỉ			Phương pháp lượng giá		
			Tổng	LT	TH	LS	LT	LS
KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			9					
1	YHTH.501	Thống kê y sinh	3	1	2		MCQ	
2	YHNC.512	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1		MCQ	
3	YHPP.513	Phương pháp giảng dạy	2	1	1		MCQ	
4	YHNN.582	Ngoại ngữ	2	1	1		MCQ	
KIẾN THỨC CƠ SỞ, HỖ TRỢ			9					
5	YHNC.507	Ngoại Nhi	3	1		2	MCQ	Mini-cex
6	YHCC.576	Cấp cứu nâng cao	3	1		2	MCQ	Mini-cex
7	YHCD.560	Chẩn đoán hình ảnh Nhi khoa	3	1		2	MCQ	Mini-cex
KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH			30					
8	YHST.592	Suy thận	6	3		3	MCQ	Mini-cex
9	YHCT.593	Bệnh lý cầu thận	6	3		3	MCQ	Mini-cex
10	YHBT.594	Bệnh thận – mạch thận bẩm sinh và di truyền	6	3		3	MCQ	Mini-cex
11	YHDT.595	Các phương pháp điều trị bệnh lý thận – tiết niệu	6	3		3	MCQ	Mini-cex
12	YHDD.596	Dị dạng bẩm sinh đường tiết niệu	6	3		3	MCQ	Mini-cex
KIẾN THỨC TỰ CHỌN (chọn 4 trong số 5 môn học)			12					
13	YHMD.582	Miễn dịch – dị ứng lâm sàng nâng cao	3	1		2	MCQ	Mini-cex
14	YHUT.583	Ung thư ở trẻ em	3	1		2	MCQ	Mini-cex
15	YHCN.584	Thăm dò chức năng thận - tiết niệu	3	1		2	MCQ	Mini-cex
16	YHNS.585	Bệnh lý nội tiết – sinh dục trẻ em	3	1		2	MCQ	Mini-cex
17	YHPT.586	Phôi thai học nâng cao	3	1		2	MCQ	Mini-cex
THI TỐT NGHIỆP			2	1		1	MCQ	Mini-cex
LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP			6	6				
TỔNG			68	33	5	30		

3. Ma trận Học phần và Chuẩn đầu ra của CTĐT

Học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)																		
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14	PLO 15	PLO 16	PLO 17	PLO 18	
Thống kê y sinh									X									X	X
Phương pháp nghiên cứu khoa học											X								X
Ngoại ngữ	X	X	X	X	X	X	X												X
Phương pháp giảng dạy								X	X	X								X	
Ngoại Nhi								X	X	X					X	X			
Chẩn đoán hình ảnh Nhi khoa	X	X	X	X	X	X	X												
Cấp cứu nâng cao	X	X	X	X	X	X	X				X	X	X	X	X	X			
Suy thận	X	X	X	X	X	X	X				X								
Bệnh lý cầu thận	X	X	X	X	X	X	X				X								
Bệnh thận – mạch thận bẩm sinh và di truyền	X	X	X	X	X	X	X				X								
Các phương pháp điều trị bệnh lý thận – tiết niệu	X	X	X	X	X	X	X				X								
Dị dạng bẩm sinh đường tiết niệu	X	X	X	X	X	X	X				X								
Miễn dịch – dị ứng lâm sàng nâng cao	X	X	X	X	X	X	X												
Ung thư ở trẻ em	X	X	X	X	X	X	X							X					
Thăm dò chức năng thận - tiết niệu	X	X	X	X	X	X	X				X					X			X
Bệnh lý nội tiết – sinh dục trẻ em	X	X	X	X	X	X	X				X					X			X
Phôi thai học nâng cao	X	X	X	X	X	X	X				X					X			X

4. Mô tả các học phần

- Thống kê y sinh: cung cấp cho học viên các kiến thức cơ bản và nâng cao về tin học; giúp học viên hình thành năng lực tiến hành các kỹ năng tin học phục vụ cho giao tiếp giữa các chuyên gia và nhóm cũng như cho việc thực hành dựa trên bằng chứng và thông tin và làm nghiên cứu khoa học.
- Phương pháp nghiên cứu khoa học: cung cấp cho học viên các kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học; giúp học viên hình thành năng lực tiến hành một nghiên cứu khoa học: xây dựng đề cương, triển khai thu thập và phân tích số liệu nghiên cứu, viết và trình bày bài nghiên cứu khoa học.
- Phương pháp giảng dạy: cung cấp cho học viên những lý luận nền tảng của dạy học y khoa dựa trên năng lực; giúp học viên hình thành kỹ năng dạy học, bao gồm xây dựng chuẩn đầu ra của chương trình/bài học, xây dựng chiến lược và công cụ lượng giá, xây dựng nội dung và kế hoạch bài học, tổ chức việc dạy học.
- Ngoại ngữ: cung cấp cho học viên những kiến thức ngoại ngữ cơ bản về chuyên ngành để ứng dụng tìm kiếm tài liệu chuyên môn trong thực hành y học, phục vụ tốt cho giao tiếp với người bệnh, gia đình người bệnh và với các nhóm chuyên gia.
- Ngoại Nhi: cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản, cập nhật về các dị tật bẩm sinh và khối u vùng bụng ở trẻ em, về một số cấp cứu ngoại khoa ở trẻ em.
- Chẩn đoán hình ảnh Nhi khoa: cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản và chuyên sâu, cập nhật về chẩn đoán hình ảnh nhi khoa; giúp học viên xây dựng kỹ năng phân tích thành thạo các kết quả chẩn đoán hình ảnh phục vụ cho chẩn đoán, điều trị, tiên lượng bệnh ở trẻ em.
- Cấp cứu nâng cao: cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản và nâng cao, cập nhật về cấp cứu trong Nhi khoa, giúp học viên xây dựng kỹ năng thực hành thành thạo trong thăm khám, đề xuất và phân tích cận lâm sàng, chẩn đoán, xử trí và tiên lượng bệnh nhân nặng cần được xử trí cấp cứu.
- Suy thận: cung cấp cho học viên kiến thức chuyên sâu, cập nhật về suy thận ở trẻ em, giúp học viên xây dựng kỹ năng thực hành thành thạo trong thăm khám, đề xuất và phân tích cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị và tiên lượng bệnh nhi mắc suy thận.
- Bệnh lý cầu thận: cung cấp cho học viên kiến thức chuyên sâu, cập nhật về bệnh lý cầu thận ở trẻ em, giúp học viên xây dựng kỹ năng thực hành thành thạo trong thăm khám, đề xuất và phân tích cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị và tiên lượng bệnh nhi mắc bệnh lý cầu thận.
- Bệnh thận – mạch thận bẩm sinh và di truyền: cung cấp cho học viên kiến thức chuyên sâu, cập nhật về bệnh thận – mạch thận bẩm sinh và di truyền, giúp học viên xây dựng kỹ năng thực hành thành thạo trong thăm khám, đề xuất và phân tích cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị và tiên lượng bệnh nhi mắc bệnh thận – mạch thận bẩm sinh và di truyền.
- Các phương pháp điều trị bệnh lý thận – tiết niệu: cung cấp cho học viên kiến thức chuyên sâu, cập nhật về các phương pháp điều trị bệnh lý thận – tiết niệu ở trẻ em.
- Dị dạng bẩm sinh đường tiết niệu: cung cấp cho học viên kiến thức chuyên sâu, cập nhật về các dị dạng bẩm sinh đường tiết niệu, giúp học viên xây dựng kỹ năng thực hành thành thạo trong thăm khám, đề xuất và phân tích cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị và tiên lượng bệnh nhi mắc các dị dạng bẩm sinh đường tiết niệu.
- Miễn dịch – dị ứng lâm sàng nâng cao: cung cấp cho học viên kiến thức chuyên sâu, cập nhật về bệnh miễn dịch – dị ứng; giúp học viên xây dựng kỹ năng thực hành thành thạo trong thăm khám, đề xuất và phân tích cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị,

tiên lượng và kỹ năng thực hiện một số thủ thuật cơ bản trong chẩn đoán và điều trị bệnh nhân mắc bệnh lý miễn dịch – dị ứng ở trẻ em.

- Ung thư trẻ em: cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản, cập nhật về ung thư ở trẻ em, giúp học viên xây dựng kỹ năng thực hành thành thạo trong thăm khám, đề xuất và phân tích cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị và tiên lượng bệnh nhi mắc ung thư.
- Thăm dò chức năng thận - tiết niệu: cung cấp cho học viên các kiến thức cơ bản, cần thiết để ứng dụng kỹ thuật thăm dò chức năng thận - tiết niệu trong chẩn đoán, điều trị các bệnh lý thận - tiết niệu ở trẻ em.
- Bệnh lý nội tiết – sinh dục trẻ em: cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản, cập nhật về bệnh lý nội tiết – sinh dục trẻ em, giúp học viên xây dựng kỹ năng thực hành thành thạo trong thăm khám, đề xuất và phân tích cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị và tiên lượng bệnh nhi mắc bệnh lý nội tiết – sinh dục.
- Phôi thai học nâng cao: cung cấp cho học viên kiến thức chuyên sâu, cập nhật về phôi thai học; giúp học viên xây dựng kỹ năng thực hành thành thạo trong thăm khám, đề xuất và phân tích cận lâm sàng, chẩn đoán, điều trị các bệnh lý ở trẻ em.

VIII. PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC

1. Kiến thức

- Thuyết trình
- Dạy học dựa trên ca bệnh (Case based learning)

2. Kỹ năng

- Dạy học một kỹ năng
- Dạy học thông qua theo dõi, điều trị bệnh nhân
- Dạy học thông qua đi buồng điểm bệnh
- Dạy học thông qua trực
- Dạy học thông qua giao ban
- Dạy học thông qua hội chẩn
- Dạy học thông qua kiểm thảo tử vong ca bệnh.

IX. PHƯƠNG PHÁP LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ

1. Kiến thức

- Thuyết trình cải tiến, dạy học lý thuyết bằng thảo luận
- Dạy học dựa trên ca bệnh (Case based learning)

2. Kỹ năng

- Dạy học một kỹ năng
- Dạy học thông qua theo dõi, điều trị bệnh nhân
- Dạy học thông qua đi buồng điểm bệnh
- Dạy học thông qua trực
- Dạy học thông qua giao ban
- Dạy học thông qua hội chẩn
- Dạy học thông qua kiểm thảo tử vong ca bệnh

3. Thái độ và tính chuyên nghiệp

- Dạy trên bệnh nhân thực
- Dạy theo nhiệm vụ, công việc thực
- Dạy qua tình huống mô phỏng

X. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Dạy học lý thuyết

- Học viên được cung cấp bản đề cương chi tiết các học phần để nắm rõ chuẩn đầu ra; nội dung, phương pháp lượng giá; nội dung, phương pháp học tập.
- Học viên được yêu cầu tìm hiểu, nghiên cứu và viết các chuyên đề liên quan đến học phần.
- Học viên tham gia thảo luận nhóm trên giảng đường các ca lâm sàng liên quan đến nội dung kiến thức của học phần

2. Dạy học lâm sàng

- Học viên được chia nhóm thực hành lâm sàng tại các khoa lâm sàng thuộc hệ Nội Nhi của bệnh viện thực hành, tham gia công tác thăm khám, điều trị, trực... để từng bước hoàn thiện các kỹ năng lâm sàng.

3. Phương án tổ chức

Hoạt động dạy - học lý thuyết được tổ chức tại các giảng đường truyền thống và giảng đường thông minh, chuyên biệt. Thực hành lâm sàng các chuyên khoa chuyên sâu của ngành Y khoa tại bệnh viện tuyến tỉnh/thành phố tại Hải Phòng:

- + BV Trẻ em Hải Phòng (Các khoa thuộc khối Nội Nhi và khối Ngoại Nhi)
- + BV Hữu nghị Việt Tiệp (Khoa Truyền nhiễm, Khoa Chẩn đoán hình ảnh)
- + Bệnh viện Đại học Y Hải Phòng (Khoa Nhi)

XI. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Các CTĐT, tài liệu, chuẩn quốc tế mà nhà trường tham khảo:

- Khung trình độ quốc gia Việt Nam (Quyết định 1982/QĐ-TTg, ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ) (bắt buộc).

- Chương trình đào tạo và chuẩn trình độ Bác sĩ chuyên khoa cấp II Nhi Thận tiết niệu – Trường Đại học Y Dược – Đại học Huế: <https://huemed-univ.edu.vn/dao-tao/sau-dai-hoc/ckii-nhi-than-93>

- Sứ mạng – Tầm nhìn – Giá trị cốt lõi – Triết lí giáo dục của Trường (*Nghị quyết số 02/NQ-HĐT-YDHP của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng ngày 02/02/2021 về việc ban hành quy chế Tổ chức và hoạt động của trường Đại học Y Dược Hải Phòng*).

- Quyết định số: 1982/QĐ-TTg Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam – Bậc 7

- Thông tư số 10/2015/TTLT-BYT-BNV quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp BS chính (hạng 2)

- Esther A.P. van Bockel, Pieter A. Walstock, Walther N.K.A. et al., Entrustable professional activities (EPAs) for postgraduate competency based intensive care medicine training in the Netherlands: The next step towards excellence in intensive care medicine training, Journal of Critical Care, Volume 54, 2019, Pages 261-267, ISSN 0883-9441, (<https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S0883944118307342>)

TRƯỞNG BỘ MÔN

[Handwritten signature]

PGS.TS.BS. *Dặng Văn Chừ*

TRƯỞNG KHOA Y

[Handwritten signature]
PGS.TS. *Hải*

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. *Nguyễn Văn Khải*